TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HN-PT
Ngày: 08/01/2019
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Các Thẩm phán: - Ông Phan Văn Huyện;

- Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Huỳnh Văn Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10-12-2018 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 640/2018/HNGĐ-ST ngày 21-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2018/QĐ-PT ngày 11/12/2018 giữa các đương sự:

*. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị Trịnh Thị Q, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* <u>*Bị đơn:*</u> Anh Nguyễn T T, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: tổ 4 Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:*Bị đơn Nguyễn T T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

*. *Nguyên đơn chị Trịnh Thị Q trình bày:*

Chị và anh Nguyễn T T cưới nhau vào năm 1995 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng tháng 7 năm 2010 anh chị bắt đầu có mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, nguyên nhân do anh T chơi cờ bạc, gây nợ nần, chị Q cho cơ hội nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ nhau. Do đó, chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được.

Nay về tình cảm: Chị Q xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/4/2000, đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

**. Bị đơn anh Nguyễn T T trình bày:*

Anh T với chị Q cưới nhau năm 1995, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, vợ anh buồn nên bỏ đi, anh đã cố gắn sửa đổi rồi nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/4/2000, đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 640/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Q. Cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn T T.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008669 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

*. Ngày 01/10/2018, bị đơn Nguyễn T T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Q và anh T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị Q giữa nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý ly hôn với chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của của anh Nguyễn T T không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Q.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị và anh T cưới nhau vào năm 1995 có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 7 năm 2010 thì bắt đầu có mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T chơi cờ bạc, gây nợ nần nhiều lần. Chị Q cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh T không thay đổi. Chị Q về cha mẹ sống và ly thân với anh T từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị Q và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T cờ bạc nhiều lần gây nợ nhiều lần làm mất lòng tin của chị Q đối với anh nên chị đã sống ly thân với anh từ đầu năm 2018 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Điều đó, cho thấy anh chị đã không còn tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh T, chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh tình cảm vợ chồng anh chị có thể hàn gắn, đồng thời anh T cũng không đưa ra được giải pháp nào hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

- Về con chung: Chị Q và anh T có một con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/4/2000 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn T T. Giữ nguyên bản án số 640/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Q. Chị Trịnh Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn T T.

2. Về án phí:

Chị Trịnh Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008669 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong.

- Anh Nguyễn T T phải chịu án phí 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp theo biên lai số 0008864 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ngoan